

Bản án số: **51/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: **17 - 8 - 2020**
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tôn**

Bà **Bùi Thị Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1973
Cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm: 1971
Cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu C đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống không hạnh phúc, hay kình cãi do ông C thường xuyên uống rượu rồi đánh đập bà nhiều lần. Bà đã cố gắng chịu đựng, bỏ qua vì thương các con. Nay bà không còn tình cảm với ông C nên xin ly hôn.

Về con chung: bà và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày: 30/3/1995 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 22/7/1997, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu tòa giải quyết.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như lời bà N trình bày. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để ly hôn và ông cũng không có đánh đập bà N.

Về con chung: ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày: 30/3/1995 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 22/7/1997, các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: ông C không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu C đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do ông C thường xuyên uống rượu rồi đánh đập bà nhiều lần. Bà đã cố gắng chịu đựng, bỏ qua vì thương các con. Nay các con đã lớn và tình cảm bà dành cho ông C không còn và ông C là người thường xuyên có hành vi bạo hành với bà bất kể lúc nào. Hơn nữa, ông C mặc dù cho rằng còn thương vợ, không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ để đến phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông C cố tình vắng mặt không đến chứng tỏ ông C không muốn đoàn tụ gia đình với bà N.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

[2] Về con chung: bà N và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày: 30/3/1995 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 22/7/1997, các con đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông C không yêu cầu tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành.
- Về tài sản chung, nợ chung: bà N, ông C không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0009607 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Hiệp Thạnh, Đức Trọng,
- Lâm Đồng GKH số 86 ngày 2012;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH